

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH DÂN CHỦ

PHẠM THÀNH NGHỊ *

Đặt vấn đề

Sau hơn 20 năm đổi mới, đất nước ta đã có những bước phát triển vượt bậc. Thu nhập quốc nội từ khoảng 200 US\$ đầu những năm 1990 tăng lên trên 900 US\$ năm 2008. Xóa đói giảm nghèo đạt những kết quả ấn tượng. Chỉ số phát triển con người tăng từ 0,539 năm 1995 lên 0,733 năm 2007. Thành tựu phát triển y tế và giáo dục rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, chúng ta đang phải đương đầu với nhiều thách thức như khoảng cách giàu nghèo đang nói rộng ra, sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các tỉnh, thành ngày càng lớn hơn. Vấn đề con người của nhóm nghèo có xu thế giảm (Nguyễn Thu Sa & Nguyễn Thị Thu Hương, 2001; Nguyễn Hữu Minh & Nguyễn Hữu Mai, 2005). Những kết quả đạt được là do đường lối đổi mới, mở cửa và hội nhập của Đảng, tuy nhiên những hiện tượng tiêu cực do một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên gây ra đã ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước. Cải cách hành chính đang là vấn đề nóng bỏng của mọi cấp, mọi ngành. Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đang tiến hành nhiều giải pháp dân chủ hoá xã hội. Tháng 2 năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về thực hiện dân chủ cơ sở. Trên cơ sở đó, năm 1998 và 1999, Chính phủ đã ban hành 3 chỉ thị về thực hiện dân chủ cơ sở ở phường, xã và thị trấn, trong cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, và trong doanh nghiệp nhà nước. Năm 2007, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh dân chủ cơ sở, theo đó người dân có quyền thảo luận, ra quyết định và khuyến nghị theo những vấn đề nhất định. Chính phủ đã sử dụng một số chỉ báo đánh giá tiến bộ trong điều hành, bao gồm thực hiện tốt dân chủ cơ sở, công khai hóa ngân sách và cải cách luật pháp (SRV, 2002). Dân chủ hóa xã hội có thể đạt được không đơn giản chỉ bằng sự thay đổi thể chế hay sự quản lý của các cơ quan Nhà nước, mà còn thể hiện trong nhận thức, sự tham gia của người dân, mà điều đó phụ thuộc rất nhiều vào hệ giá trị, niềm tin của họ vào dân chủ và hệ thống quản lý điều hành dân chủ.

Bài viết này sử dụng kết quả Điều tra giá trị châu Á tiến hành trong năm 2006 để phân tích thái độ của người dân Việt Nam đối với hệ thống điều hành dân chủ ở nước ta đồng thời sử dụng số liệu của các nước tham gia trong dự án để so sánh.

* PGS.TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

1. Sự hiểu biết phổ thông về dân chủ và điều hành dân chủ

Chúng ta không kỳ vọng người dân bình thường chia sẻ quan niệm dân chủ một cách hàn lâm với các nhà khoa học. Mỗi người có thể có cách hiểu của riêng mình. Dân chủ không chỉ là bầu cử tự do và công bằng theo nguyên tắc đa số. Dân chủ là một tập hợp yêu cầu, bao gồm quyền bầu cử và tôn trọng các quyền khác của con người, quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin và ý kiến bình luận, quyền được phát triển với những phẩm giá con người v.v. Nói một cách ngắn gọn, dân chủ là "quyền thuộc về dân", "điều hành bởi người dân" và "vì lợi ích của người dân". Theo Armatya Sen (1999), có thể xem dân chủ như một giá trị phổ quát và dân chủ là sự trao quyền cho người dân.

Đại bộ phận người dân trong cuộc Điều tra Giá trị châu Á hiểu dân chủ theo nghĩa tích cực hơn là tiêu cực, tuy nhiên vẫn có một số ít người gắn dân chủ với sự hỗn loạn, tham nhũng, vi phạm pháp luật và tính kém hiệu quả của quản lý điều hành. Những người được hỏi thường xem xét dân chủ theo thuộc tính quy trình và thuộc tính bản chất. Thuộc tính quy trình nhấn mạnh những khía cạnh như quyền công dân, tự do, các thể chế chính trị và quá trình dân chủ. Thuộc tính bản chất nhấn mạnh tính công bằng, quản lý hiệu quả, phúc lợi chung, sự điều hành "bởi con người và cho con người." Có sự khác biệt khá lớn về cách hiểu của người dân giữa các quốc gia trong khu vực. Người dân Thái Lan, Mông Cổ, Đài Loan và cả Trung Quốc coi dân chủ gắn với quyền, thể chế và quá trình chính trị, nhưng quan niệm này lại không phổ biến ở Philippin và Nhật Bản. Nhiều người ở Mông Cổ và Hàn Quốc gắn dân chủ với "bình đẳng và công bằng xã hội" (Chu và đồng nghiệp, 2008:10-12).

Khái niệm điều hành dân chủ được hiểu là sự quản lý, điều hành thực hiện theo quy tắc pháp luật của nền chính trị dân chủ đáp ứng nhu cầu người dân. Ngân hàng Thế giới đã chỉ ra 6 chiều cạnh của điều hành dân chủ: tiếng nói của người dân và tính chịu trách nhiệm; sự ổn định chính trị; hiệu quả điều hành; chất lượng điều hành; chấp hành pháp luật và kiểm soát tham nhũng (Hagopian & Scott, 2005).

Những phân tích dưới đây về thái độ của người dân đối với hệ thống điều hành dân chủ được thực hiện theo các tiêu chí sau đây: chấp hành pháp luật, bảo đảm tính cạnh tranh, sự tham gia của người dân, trách nhiệm của quan chức, việc thực hiện quyền tự do, tính bình đẳng và khả năng đáp ứng nhu cầu người dân. Việc so sánh ý kiến trả lời của người Việt Nam với ý kiến của người dân các nước cho thấy những tương đồng và khác biệt về thái độ của người dân và kết quả điều hành dân chủ của các chính phủ trong khu vực.

2. Thái độ của người dân về các mặt điều hành dân chủ

(1) Chấp hành pháp luật

Về việc *tuân thủ pháp luật* của cán bộ, công chức, thái độ của người dân Việt Nam là khá tích cực. Đại bộ phận người dân Việt Nam (67,8%) cho rằng công chức chính

quyền chấp hành nghiêm pháp luật. Trong khi đó, ngoại trừ Singapore, với 76% số người được hỏi có ý kiến tương tự, ở các nước khác trong khu vực, người dân có ý kiến khá tiêu cực: chỉ có 14,2% người Thái Lan, 17,0% người Hàn Quốc, 26,3% người Malaysia, 28,5% người Indonesia, 37,7% người Nhật Bản được hỏi đồng ý với nhận định rằng các quan chức chính quyền chấp hành nghiêm pháp luật. Như vậy, người dân Việt Nam khá tin tưởng vào sự chấp hành luật pháp của quan chức chính quyền.

Theo bản chất của mình, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Do vậy, nhà nước thực thi quyền lực của nhân dân, trừng trị tội phạm không phân biệt người phạm tội là quan chức hay thường dân. Điều này phản ánh trong nhận thức của người dân. Phần lớn người dân (77,8%) tin rằng, tòa án hiện hành luôn trừng phạt đúng người, đúng tội ngay cả khi người phạm tội là quan chức cấp cao. Ngoại trừ Hồng Kông, Singapore và Indonesia, các quốc gia khác có tỷ lệ người đồng ý với nhận định trên thấp hơn Việt Nam rất nhiều, như chỉ có 43,7% người Đài Loan và 48,7% người Nhật Bản được hỏi cho rằng tòa án luôn trừng phạt đúng người, đúng tội, ngay cả khi người phạm tội là quan chức.

Liên quan đến *kiểm soát tham nhũng*, 77% người dân Việt Nam được hỏi cho rằng tham nhũng không phải là vấn đề nghiêm trọng ở cấp địa phương. Trong khi đó, quan điểm của người Singapore và Thái Lan gần giống với người Việt Nam. Người dân các quốc gia khác như Đài Loan và Philippin cho rằng tình hình tham nhũng ở nước họ nghiêm trọng hơn nhiều. Chỉ có 30,2% người Đài Loan và 37,9% người Philippin cho rằng không có nhiều quan chức địa phương tham nhũng. Ở Việt Nam những năm gần đây có nhiều vụ việc tham nhũng bị phát hiện và xử lý, trong đó có nhiều quan chức cao cấp bị kết tội. Do thái độ kiên quyết và các biện pháp nghiêm khắc của Chính phủ, lòng tin của người dân được củng cố. Điều này được 79% người được hỏi khẳng định. Thái độ người Singapore rất tích cực đối với các giải pháp chống tham nhũng của Chính phủ, trong khi đó người Philippin và Nhật Bản lại cho rằng chính phủ nước họ làm chưa đủ để chống tham nhũng. Chỉ với tỷ lệ 32,3% người Nhật và 34,2% người Phillipin được hỏi khẳng định rằng chính phủ của họ đã làm gì đó để chống tham nhũng.

(2) Tinh cạnh tranh

Theo Hiến pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất nắm quyền lãnh đạo đất nước ở Việt Nam, tuy nhiên sự lựa chọn giữa các ứng cử viên vẫn còn rất rộng rãi. 57% số người được hỏi cho rằng cử tri có quyền thực sự trong lựa chọn giữa các ứng cử viên. Hiện nay, số người tự ứng cử ngày càng tăng, cũng như số ứng cử viên không phải là đảng viên ngày càng nhiều làm cho sự lựa chọn của cử tri được mở rộng. Các ứng cử viên có quyền tiếp cận phương tiện thông tin đại chúng như nhau trong thời gian vận động bầu cử. Có tới 72,8% số người được hỏi cho rằng mọi ứng cử viên đều có quyền như nhau trong tiếp cận với phương tiện thông tin đại chúng. Thực tế vận động bầu cử cho thấy việc tiếp xúc cử tri được tiến hành theo nhóm, mỗi ứng cử viên trong một đơn

vị bầu cử trình bày chương trình hành động của mình để cử tri chất vấn trong quá trình vận động tranh cử.

So sánh với ý kiến trả lời ở các quốc gia khác, người Mông Cổ có thái độ khá giống người Việt Nam, trong khi đó chỉ có khoảng 30% người Đài Loan, 40% người Philippin và 40% người Singapore được hỏi đồng ý rằng mọi ứng cử viên trong các cuộc bầu cử có cơ hội tiếp cận phương tiện thông tin đại chúng như nhau.

Về tính tự do và công bằng của các cuộc bầu cử, đại bộ phận người Việt Nam (84,8%) được hỏi cho rằng các cuộc bầu cử là tự do và công bằng. Singapore và Indonesia có tỷ lệ người được hỏi đồng ý khá cao (trương ứng là 85,2% và 83,3%) rằng bầu cử là tự do và công bằng hoặc chỉ có những vấn đề nhỏ. Trong khi đó Philippin và Đài Loan có nhiều người trả lời nhất cho rằng bầu cử là tự do và công bằng nhưng có những vấn đề lớn hoặc chưa được tự do và công bằng với tỷ lệ tương ứng là 40,2% và 41,3%.

(3) Sự tham gia

Khi được hỏi về sự tham gia của mình trong cuộc bầu cử Quốc hội gần đây nhất, có tới 86% số người Việt Nam được hỏi khẳng định rằng họ có tham gia bầu cử. Đại bộ phận người Việt Nam cho rằng tham gia vào các cuộc bầu cử là thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình. Hơn nữa, người Việt Nam tham gia vào các tổ chức xã hội, thông qua các tổ chức này, người dân được nâng cao ý thức công dân. Tuy nhiên, số người tham dự các cuộc tiếp xúc cử tri của các ứng cử viên ít hơn. Chỉ có 53,9% số người được hỏi khẳng định rằng họ có tham gia các cuộc tiếp xúc này. Tình hình ở các nước khác trong khu vực cũng có khác nhau, nhưng tỷ lệ người đi bầu cử ở khu vực châu Á là khá cao so với các khu vực khác trên thế giới. Ở Thái Lan có 87,5%, Mông Cổ - 83,5%, Đài Loan - 82,6%, Philippin - 80,6%, và Malaysia - 59,4% số người được hỏi đi bầu cử.

Xét về phương diện giới, nam giới tích cực đi bầu cử hơn phụ nữ. 90,1% nam giới và 81% nữ giới đi bầu cử quốc hội lần gần đây nhất và có tới 58,7% nam giới và chỉ 48,7% nữ giới tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri. Sự khác biệt này là đáng kể cho thấy một thực tế là, mặc dù có nhiều thay đổi so với trước kia nhưng nam giới vẫn còn đóng vai trò nổi trội hơn trên chính trường so với phụ nữ. Không có sự khác biệt về học vấn trong sự tham gia vào các hoạt động chính trị.

Khi nói đến mối *quan tâm chính trị* thường ngày, có tới 36,6% người Việt Nam được hỏi rất quan tâm đến chính trị và 37,6% khá quan tâm. Trả lời về việc họ có theo dõi thông tin chính trị không thì có tới 80% người Việt Nam cho biết họ theo dõi tin tức chính trị thường xuyên ở mức từ vài lần trong tuần trở lên.

Có tới hơn 30% số người Việt Nam được hỏi cho rằng họ có khả năng *tham gia hoạt động chính trị*, nhưng có tới 45% số người được hỏi cho rằng hoạt động chính trị là

quá phức tạp đối với họ, thậm chí họ không hiểu được những gì đang xảy ra trong lĩnh vực này. Theo những giá trị truyền thống Việt Nam, hoạt động chính trị ở các vị trí đều là niềm tự hào, nhưng cũng đòi hỏi những phẩm chất đạo đức và trách nhiệm lớn. Nhiều người, do vậy, cho rằng hoạt động nghề nghiệp và sản xuất kinh doanh phù hợp hơn đối với họ so với hoạt động chính trị, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi cơ hội thành công trong kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp là rất cao.

Điều thú vị là ở các quốc gia trong khu vực, người dân không ưa thích tham gia các hoạt động chính trị lắm. Có tới 83,4% người Thái Lan và 66,9 % người Mông Cổ cho rằng chính trị là phức tạp và họ không thể hiểu nổi những gì đang diễn ra ở đó, do vậy họ không lựa chọn tham gia một cách tích cực vào hoạt động này.

(4) Tính chịu trách nhiệm

Người Việt Nam rất lạc quan về việc các nhà lãnh đạo *chịu trách nhiệm với người dân*. Có tới 55,6% người trả lời nói rằng người dân có tác động đến chính sách của Nhà nước. Gần đây, hoạt động chất vấn của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép nắm bắt thông tin về hoạt động của Chính phủ và yêu cầu các thành viên Chính phủ *chịu trách nhiệm với Quốc hội* về các hoạt động điều hành và cung cấp thông tin nhiều hơn cho các đại biểu và cử tri. Đại bộ phận người được hỏi (66,2%) đồng ý rằng hệ thống lập pháp có thể ảnh hưởng đến điều hành của cơ quan hành pháp và có tới 79,8% người trả lời cho rằng hệ thống lập pháp có thể giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp. Người Singapore lạc quan về vai trò của cơ quan lập pháp đối với cơ quan hành pháp với 62,3% người được hỏi cho rằng cơ quan lập pháp có thể ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan hành pháp, trong khi đó chỉ có 33,2% người Mông Cổ đồng ý như vậy.

(5) Tự do

Hiến pháp năm 1992 đã công nhận quyền tự do ngôn luận và hội họp của người dân. Trong thời gian vừa qua báo chí thực chất đã có quyền thông tin về những hiện tượng tội phạm, tham nhũng. Người dân có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin qua truyền hình vệ tinh, qua Internet. Các hoạt động báo chí được yêu cầu thực hiện theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin chân thực, có tác dụng tích cực cho công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Thái độ của người dân về quyền tự do ngôn luận là tích cực. Phần lớn người trả lời ở Việt Nam (74,7%) tin rằng họ được tự do nói những gì họ nghĩ mà không sợ bị trừng phạt; 52,2% người trả lời rằng họ đã tham gia các tổ chức xã hội mà họ ưa thích và không hề bị ép buộc. Người dân các nước trong khu vực đồng ý với những tuyên bố này với tỷ lệ khá cao.

(6) Bình đẳng

Phần lớn người được hỏi (78,8%) đồng ý rằng trong xã hội Việt Nam mọi người được đối xử bình đẳng. Thực chất Chính phủ đã cố gắng rất nhiều trong hỗ trợ người nghèo và các nhóm yếu thế. Hiện đang có sự lo ngại về khoảng cách giàu nghèo gia

tăng trong giai đoạn chuyển đổi sang cơ chế thị trường, tồn tại sự khác biệt khá lớn giữa thành thị, vùng phát triển và các vùng nông thôn xa xôi, vùng miền núi, hải đảo, đặc biệt vùng có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống. Điều đó có thể hiểu rằng mặc dù nhiều chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình hỗ trợ người thiệt thòi đã và đang được thực hiện, khoảng cách về mức sống giữa 20% những người nghèo nhất và 20% những người giàu nhất trong xã hội tăng từ 7,3 lần trong giai đoạn 1994-1996 lên 8,3 lần vào năm 2004 (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2006).

Ý kiến người dân các nước trong khu vực có khác nhau. Phần lớn người dân Indonesia (72,7%), Singapore (68%), Thái Lan (55,6%) và Malaysia (50,8%) được hỏi hài lòng với sự đối xử bình đẳng của chính phủ nước họ. Trong khi đó, người trả lời ở Nhật Bản và Hàn Quốc lại thất vọng về sự bất bình đẳng ở nước họ với chỉ 13% người Nhật và 19% người Hàn Quốc được hỏi nói rằng họ hài lòng với việc đối xử bình đẳng của Chính phủ.

Liên quan đến nhu cầu cơ bản, đại bộ phận người trả lời Việt Nam (81,6%) đồng ý rằng mọi người được đáp ứng những nhu cầu tối thiểu như ăn, mặc và nhà ở. Điều rõ ràng là trong các Báo cáo Phát triển con người năm 2001, 2006 (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia, 2001; Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2006) và Báo cáo cập nhật nghèo (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2007) thì tỷ lệ người nghèo ở Việt Nam giảm từ 37,4% năm 1998 xuống 19,5% năm 2004. Nếu tính từ năm 1993, tỷ lệ người nghèo năm 2004 chỉ còn 1/3 năm 1993. Điều này là rất ấn tượng trong bối cảnh Chương trình Phát triển Liên hợp quốc đặt ra mục tiêu giảm một nửa tỷ lệ người nghèo trong giai đoạn 1990-2015. Tỷ lệ giảm nghèo ấn tượng này đã tác động rất lớn đến thái độ của người dân về tình trạng bình đẳng trong xã hội.

Thái độ của người dân ở các nước trong khu vực về vấn đề này cũng rất khác nhau. Đại bộ phận người Thái Lan (87,1%), Philippin (83,1%), Singapore (82,9%), Malaysia (79,8%), Indonesia (74,2%), Nhật Bản (64,8%) và Đài Loan (63,7%) được hỏi đồng ý rằng mọi người được đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc và nhà ở. Trong khi đó, người dân Mông Cổ và, đặc biệt, người dân Hàn Quốc lại thất vọng về tình hình bất công bằng ở đất nước họ; chỉ có 29,2% người Hàn Quốc và 32,8% người Mông Cổ đồng ý rằng mọi người dân được đáp ứng những nhu cầu cơ bản.

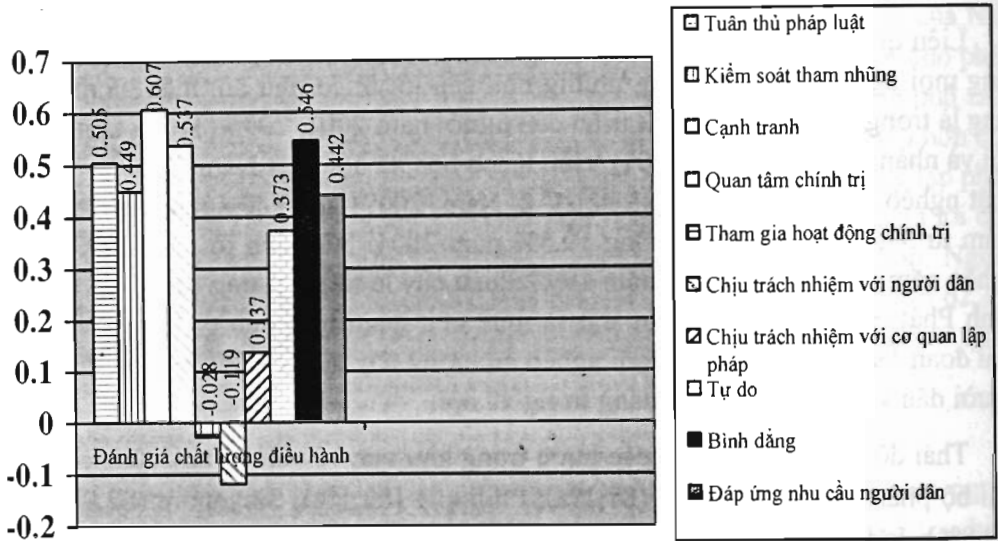
(7) Sự đáp ứng nhu cầu người dân

Những vấn đề quan trọng nhất ở Việt Nam được người dân đánh giá liên quan đến phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế và giáo dục. Chính phủ Việt Nam đã tập trung vào các vấn đề này và tìm cách giải quyết và Chính phủ đã rất thành công trong việc đạt được các mục tiêu chính sách đã xác định. Điều đó giải thích tại sao phần lớn người trả lời ở Việt Nam (85%) tin tưởng rằng Chính phủ sẽ giải quyết tốt những vấn đề quan trọng nhất trong 5 năm tới. Tương tự như vậy, 86,3% người được hỏi cho rằng Chính phủ đáp ứng tốt nhu cầu người dân. Hai câu hỏi “Chính phủ đáp ứng nhu

cầu của con người tốt đến mức nào?” và “Chính phủ sẽ giải quyết những vấn đề quan trọng nhất trong 5 năm tới như thế nào?” có quan hệ tương hỗ với nhau với tương quan là .351 và với $p < .05$.

Khá giống với kết quả trả lời của người Việt Nam, tuy có thấp hơn chút ít, người Singapore và người Malaysia cũng đánh giá cao sự đáp ứng của Chính phủ nước họ đối với nhu cầu của người dân với tỷ lệ tương ứng là 66,4% và 56,1%. Người dân Thái Lan và Indonesia cũng khá lạc quan về điều này. Trong khi đó, người dân Hàn Quốc, Mông Cổ, Nhật Bản và Đài Loan không tin tưởng lắm rằng chính phủ của họ có thể làm tốt việc này chỉ với tỷ lệ 21,2% người Hàn Quốc, 24,6% người Mông Cổ, 33,3% người Nhật Bản và 35,8% người Đài Loan được hỏi cho rằng chính phủ của họ đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

Biểu đồ 1: Đánh giá chất lượng điều hành dân chủ



Được xây dựng trên thang số liệu biến thiên trong khoảng -1.0 đến +1.0, Biểu đồ 1 cung cấp thông tin rất thú vị về những điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống điều hành hiện tại, trên cơ sở ý kiến người dân. Theo Biểu đồ, hệ thống hiện tại rất mạnh về tuân thủ pháp luật, sự cạnh tranh, quan tâm chính trị và tính bình đẳng. Về sự tham gia vào hoạt động chính trị, người dân cảm thấy họ ít có khả năng và thiếu thông tin về hệ thống. Người dân còn cho biết sự chịu trách nhiệm của hệ thống với người dân còn chưa cao. Các chỉ báo như kiểm soát tham nhũng, quan tâm chính trị của người dân, chịu trách nhiệm với cơ quan lập pháp, tự do và đáp ứng nhu cầu người dân được đánh giá ở mức độ khá cao.

Số liệu trên Bảng 1 cho thấy quan hệ thuận giữa sự hài lòng với nền dân chủ của người trả lời và các chỉ báo chấp hành luật pháp, kiểm soát tham nhũng, tính cạnh tranh, quan tâm chính trị, chịu trách nhiệm với cơ quan lập pháp, tự do, bình đẳng và đáp ứng yêu cầu người dân. Trong khi đó, mối quan hệ giữa chỉ số phát triển kinh tế và hài lòng

với hệ thống dân chủ là quan hệ nghịch; điều đó có nghĩa là những người có điều kiện kinh tế cao hài lòng ít hơn với hiện trạng quản lý điều hành dân chủ hiện tại.

Bảng 1: Tương quan giữa các chỉ báo điều hành dân chủ và sự hài lòng và ủng hộ dân chủ

STT	Các chỉ báo	Hài lòng với dân chủ	Ủng hộ dân chủ	Phản đối phi dân chủ	Không ủng hộ rõ ràng
1	Tuân thủ pháp luật	.409	no	no	-.392
2	Kiểm soát tham nhũng	.372	no	no	-.248
3	Cạnh tranh	.527	-.161	.075	-.452
4	Quan tâm chính trị	.294	-.113	.151	-.236
5	Tham gia hoạt động chính trị	no	no	-.071	no
6	Chịu trách nhiệm với người dân	no	no	-.071	no
7	Chịu trách nhiệm với cơ quan lập pháp	.116	-.90	-.072	no
8	Tự do	.271	-.59	no	-.308
9	Bình đẳng	.414	-.111	no	-.469
10	Đáp ứng nhu cầu người dân	.505	-.083	no	-.279
11	Tình hình kinh tế đất nước	-.239	.079	no	no
12	Tình hình kinh tế cá nhân	-.177	-.040	-.076	.066

Mối quan hệ giữa sự “ủng hộ dân chủ” và các chỉ số cạnh tranh, quan tâm chính trị, chịu trách nhiệm với cơ quan lập pháp, tự do, bình đẳng, đáp ứng nhu cầu người dân và điều kiện kinh tế là quan hệ nghịch.

Mối quan hệ giữa chỉ số “phản đối các phương án phi dân chủ” với cạnh tranh và mối quan tâm chính trị có tương quan thuận nhưng không mạnh. Những ai phản đối các phương án phi dân chủ cho rằng, sự bầu cử cho phép cử tri sự lựa chọn thực sự giữa các ứng viên và cung cấp cho các ứng viên sự tiếp cận bình đẳng tới phương tiện thông tin đại chúng. Mặt khác, mối quan hệ giữa chỉ số phản đối các phương án phi dân chủ và hoạt động chính trị, chịu trách nhiệm với người dân, với cơ quan lập pháp và tình hình kinh tế cá nhân là quan hệ nghịch, nhưng không mạnh.

Mối quan hệ giữa chỉ số “không ủng hộ rõ ràng” và chấp hành luật pháp, kiểm soát tham nhũng, cạnh tranh, quan tâm chính trị, tự do chính trị, bình đẳng và tình hình kinh tế cá nhân là quan hệ thuận, nhưng không mạnh.

Kết luận

Sự ủng hộ nền dân chủ của công chúng ở Việt Nam xuất phát từ sự gia tăng mức sống, sự phát triển kinh tế và sự thay đổi trong hệ thống quản lý. Tất cả những điều đó được xem như kết quả của công cuộc đổi mới trong hơn hai thập kỷ vừa qua. Nói một cách ngắn gọn, quá trình dân chủ hóa xã hội thực sự phụ thuộc vào quyết định chiến lược của Đảng và Nhà nước, nhưng về lâu dài thái độ của người dân sẽ có tác động lớn

đến quá trình dân chủ hóa xã hội. Những phát hiện trong cuộc điều tra này về quá trình dân chủ hóa ở Việt Nam có thể xem là nguồn dữ liệu thực chứng cùng với những kết quả điều tra Giá trị Thế giới được tiến hành cho đến nay có ý nghĩa khẳng định sự tương đồng về nhận thức và thái độ của người dân với mục tiêu dân chủ hóa xã hội của Đảng và Nhà nước. Những so sánh được tiến hành trong bài viết này có thể sẽ rất bổ ích cho việc tìm hiểu quá trình dân chủ hóa đang diễn ra ở các nước trong khu vực.

Những gì đã trình bày ở bài viết này cho thấy người dân rất tin tưởng vào hệ thống điều hành dân chủ ở nước ta. Chỉ có 2 trong 10 chỉ số là tương đối thấp so với các chỉ số khác. Điều đó cho thấy cần làm cho các hoạt động của các cơ quan nhà nước minh bạch hơn nhằm giúp công chúng tin tưởng rằng công chức chịu trách nhiệm với người dân và khuyến khích họ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chính trị - xã hội. Những kết quả trong thực hiện dân chủ cơ sở và sự mở rộng không gian tương tác có thể là cơ sở giải thích cho niềm tin rất cao của công chúng vào hệ thống điều hành dân chủ ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

Chu Y.H., Diamond L., Nathan A. & Doh C.S. (Chủ biên) (2008), *How East Asians view Democracy*, New York: Columbia University Press.

Hagopian F. & Scott M. (2005) *The third Wave of Democratization in Latin America*. New York: Cambridge University Press.

Nguyễn Hữu Minh & Nguyễn Hữu Mai (2005) *Đô thị hóa và nghèo khổ đô thị ở Việt Nam: Một số đặc điểm cơ bản*, trong Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường và Nguyễn Vinh (Chủ biên) *Đô thị hoá và giảm nghèo ở Tp. Hồ Chí Minh: Lý luận và thực tiễn*, Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Socialist Republic of Vietnam (2002) *The comprehensive Poverty Reduction and Growth Strategy*, Hanoi.

Nguyễn Thu Sa & Nguyễn Thị Thu Hương (2001), *Về khả năng cải thiện mức sống của tầng lớp có thu nhập thấp*, Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường và Nguyễn Vinh (Chủ biên) *Đô thị hoá và giảm nghèo ở Tp. Hồ Chí Minh: Lý luận và thực tiễn*, Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Sen A. (1999), Democracy as a Universal Value, *Journal of Democracy* 10.3 tr. 3 - 17.

Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (2001), *Báo cáo Phát triển con người Việt Nam 2001 - Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người*, Hà Nội, Nxb. Chính trị quốc gia.

Viện Khoa học xã hội Việt Nam – Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (2006), *Phát triển con người Việt Nam 1999-2006 - Những thay đổi và xu hướng chủ yếu*, Hà Nội, Nxb. Chính Trị Quốc gia.

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2007) *Báo cáo cập nhật Nghèo 2006: Nghèo và giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 1993-2004*. Hà Nội, Nxb. Chính trị Quốc gia.